TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2019/LĐ-ST
Ngày: 19-11-2019
V/v tranh chấp đòi tiền lương, bảo hiểm xã hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thị Thanh Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Huỳnh Thị Ánh Nguyệt**

Nơi công tác: Phó chủ tịch Liên đoàn Lao động quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

2. Ông **Nguyễn Công Chi**

Nơi công tác: Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên toà: Bà **Phạm Thái Trâm Anh** - Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Ái Linh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2019/TLST-LĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "đòi tiền lương, bảo hiểm xã hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2019/QĐST-LĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thanh C** – sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Lê Thị Ngọc O** – sinh năm 1980. Trú tại: Tổ 19, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 03.6.2019). Có mặt.

2. Bị đơn: **Công ty TNHH MTV T;**

Địa chỉ: Đường số 06, khu công nghiệp H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Kim Sangb;** trú tại: 6 Nangok 74-gil, G, S, Hàn Quốc là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc **Công ty TNHH MTV T)**. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Bảo hiểm xã hội thành phố Đ;**

Địa chỉ: Số 43 X, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Anh H** – Chức vụ: Phó trưởng phòng Quản lý thu là người đại diện theo ủy quyền của ông **Đinh Văn H** – Chức vụ: Giám đốc (Văn bản ủy quyền số 1930/BHXH-QLT ngày 18.11.2019). Có mặt.

4. Người làm chứng: Bà **Lê Thị Kiều Ch** – sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số 64/9 Tr, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị Thanh C và đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị Ngọc O trình bày:

Bà Trần Thị Thanh C vào làm việc tại Công ty TNHH MTV T từ ngày 14.09.2014. Quá trình làm việc, bà C luôn chấp hành nội quy, quy định của Công ty. Tuy nhiên, từ tháng 6.2018 Công ty chỉ thanh toán một phần tiền lương và tháng 7.2018 Công ty không thanh toán lương cho bà C. Lương tháng 6.2018 của bà C theo Bảng tổng hợp tiền lương thưởng và các khoản phụ cấp tháng 06/2018 do ông Kim Sangb – Chức vụ: Giám đốc ký là 5.387.852 đồng. Bà C đã 02 lần nhận chuyển khoản lương tháng 6.2018 thông qua Ngân hàng TMCP Đ – Phòng giao dịch khách hàng chi nhánh Hải Vân: lần 01 nhận vào ngày 10.7.2018 là 1.600.000 đồng; lần 02 nhận vào ngày 03.8.2018 là 730.000 đồng; tổng 02 lần nhận là 2.330.000 đồng. Như vậy, Công ty còn nợ bà C lương tháng 06.2018 là 3.057.000 đồng. Tháng 7.2018 bà C làm đủ 18 ngày, những ngày còn lại Công ty cho nghỉ hưởng nguyên lương nên bà C yêu cầu thanh toán theo lương chính quy định tại Phụ lục Hợp đồng lao động số 297/2018/PL ngày 30.12.2017 là 3.966.000 đồng; yêu thanh toán tổng phụ cấp là 730.000 đồng (trong đó: phụ cấp kinh kỳ: 30.000 đồng; phụ cấp chuyên cần 300.000 đồng; phụ cấp nước uống 150.000 đồng; phụ cấp xăng xe 250.000 đồng). Tổng lương tháng 7.2018 yêu cầu là: (3.966.000 đồng + 730.000 đồng) – 416,430 đồng (10,5% tiền lương mà người sử dụng lao động phải trích đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động) = 4.279.570 đồng. Ngoài ra Công ty

còn nợ tiền bảo hiểm xã hội gốc và lãi đối với Bảo hiểm xã hội thành phố Đ là 20.168.442 đồng gốc và 2.041.318 đồng lãi. Nay bà C yêu cầu Tòa án buộc Công ty có trách nhiệm:

- Thanh toán cho bà C phần còn lại lương tháng 6/2018 là 3.057.000 đồng; lương tháng 7/2018 là 4.279.570 đồng. Tổng lương yêu cầu là 7.336.570 đồng.

- Thực hiện đóng tiền bảo hiểm xã hội còn nợ đối với Bảo hiểm xã hội thành phố Đ: gốc là 20.168.442 đồng và lãi là 2.041.318 đồng. Tổng nợ bảo hiểm xã hội là 22.209.760 đồng.

Tổng tiền bà C yêu cầu là 7.336.570 đồng + 22.209.760 đồng = 29.546.330 đồng *(Hai mươi chín triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn ba trăm ba mươi đồng)*.

Bị đơn - Công ty TNHH MTV T (Đại diện theo pháp luật: Ông Kim Sangb – Chức vụ: Giám đốc) đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Theo bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thành phố Đ – Đại diện theo ủy quyền là ông Trần Anh H trình bày:

Công ty TNHH MTV T không thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà Trần Thị Thanh C từ tháng 11.2016 đến tháng 7.2018 với tổng số tiền gốc là 20.168.442 đồng. Ngoài ra do Công ty TNHH MTV T chậm đóng bảo hiểm xã hội nên phải chịu tiền lãi từ tháng 01.2017 đến tháng 7.2018 là 2.041.318 đồng. Tổng nợ gốc và lãi Công ty còn nợ là 22.209.760 đồng. Việc tính lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội năm 2017 thực hiện theo Thông báo số 259/TB-BHXH ngày 02.3.2017 Bảo hiểm xã hội thành phố Đ là 15,8%/năm (1,317%/tháng); lãi chậm đóng Bảo hiểm xã hội năm 2018 thực hiện theo Thông báo số 195/TB-BHXH ngày 30.01.2018 của Bảo hiểm xã hội thành phố Đ là 14,5%/năm (1,2084%/tháng).

Việc người lao động khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV T đóng tiền bảo hiểm xã hội còn nợ là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH MTV T đóng số tiền bảo hiểm xã hội còn nợ cho Bảo hiểm xã hội thành phố Đ. Do Công ty TNHH MTV T ngừng hoạt động nên Bảo hiểm xã hội thành phố Đ chỉ tính lãi chậm đóng đến tháng 7.2018, không tiếp tục tính lãi đến thời điểm xét xử cũng như giai đoạn thi hành án sau này.

Người làm chứng – bà Lê Thị Kiều Ch vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, tại Bản tự khai ngày 01.9.2019 bà Lê Thị Kiều Ch trình bày bà phụ trách công tác hành chính nhân sự của Công ty TNHH MTV T; bảng chấm công từng người lao động tháng 7.2018 (từ ngày 01.7.2018-21.7.2018) là do bà cung cấp; các tài liệu này đều được trích từ hồ sơ quản lý nhân sự trong thời

gian làm việc tại Công ty TNHH MTV T. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:

- Về thủ tục tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn là Công ty TNHH MTV T đã không trình bày ý kiến của mình và vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH MTV T thanh toán cho bà Trần Thị Thanh C một phần lương tháng 6.2018 và lương tháng 7.2018 là 7.336.570 đồng; đóng bảo hiểm xã hội cho bà Trần Thị Thanh C thời gian từ tháng 11.2016 đến tháng 7.2018 với số tiền 22.209.760 đồng (trong đó gốc là 20.168.442 đồng và lãi là 2.041.318 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về lao động giữa nguyên đơn bà Trần Thị Thanh C và Công ty TNHH MTV T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Bị đơn Công ty TNHH MTV T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa Công ty TNHH MTV T vắng mặt không có lý do. Người làm chứng Lê Thị Kiều Ch vắng mặt nhưng đã gửi lời khai cho Tòa án và có đơn yêu cầu xét xử vắng

mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH MTV T và bà Lê Thị Kiều Ch.

[2] **Về nội dung tranh chấp:**

[2.1] **Đối với tranh chấp đòi tiền lương:** Bà Trần Thị Thanh C yêu cầu Công ty TNHH MTV T thanh toán phần còn lại lương tháng 6/2018 là 3.057.000 đồng; lương tháng 7/2018 là 4.279.570 đồng. Tổng lương yêu cầu là 7.336.570 đồng.

- Đối với lương và phụ cấp tháng 6.2018: HĐXX xét thấy, theo Bảng tổng hợp tiền lương thưởng và các khoản phụ cấp tháng 06/2018 do ông Kim Sangb – Chức vụ: Giám đốc ký thì lương bà Trần Thị Thanh C là 5.387.852 đồng. Công ty TNHH MTV T đã chuyển khoản lần 01 vào ngày 10.7.2018 là 1.600.000 đồng và chuyển khoản lần 02 vào ngày 03.8.2018 là 730.000 đồng. Như vậy, số tiền lương tháng 6.2018 còn lại Công ty TNHH MTV T chưa thanh toán là: 5.387.852 đồng – (1.600.000 đồng + 730.000 đồng) = 3.057.000 đồng.

- Đối với lương và phụ cấp tháng 7.2018: HĐXX xét thấy, theo Bảng chấm công tháng 7.2018 do bà Lê Thị Kiều Ch – Chức vụ: Trưởng phòng nhân sự cung cấp thì từ ngày 01.7.2018 – 21.7.2018 bà C làm đủ 18 ngày. Theo Công văn số 19/2018-BC ngày 30.7.2018 về việc báo cáo nhanh tình hình ngừng việc tập thể, đình Công tại Công ty TNHH MTV T của bà Lê Thị Kiều Ch và Công văn số 1099/BQL-KHTH ngày 31.7.2018 về việc báo cáo tình hình ngừng việc tập thể tại Công ty TNHH MTV T của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Đà Nẵng thì Công ty TNHH MTV T cho người lao động nghỉ phép từ ngày 21.7.2018-01.8.2018. Như vậy, bà C được hưởng đủ lương và phụ cấp của tháng 7.2018, cụ thể:

+ Đối với lương tháng 7.2018 Công ty phải thanh toán theo lương chính quy định tại Phụ lục Hợp đồng lao động số 297/2018/PL ngày 30.12.2017 là 3.966.000 đồng.

+ Bà C được hưởng đủ các loại phụ cấp gồm: phụ cấp kinh kỳ: 30.000 đồng; phụ cấp chuyên cần 300.000 đồng; phụ cấp nước uống 150.000 đồng; phụ cấp xăng xe 250.000 đồng. Tổng cộng 730.000 đồng.

Như vậy, số tiền lương tháng 7.2018 Công ty TNHH MTV T chưa thanh toán là: (3.966.000 đồng + 730.000 đồng) – 416.430 đồng (10,5% tiền lương mà người sử dụng lao động phải trích đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động) = 4.279.570 đồng.

HĐXX xét thấy, việc Công ty TNHH MTV T không thanh toán đủ lương là vi phạm Điều 3 Hợp đồng lao động số 69/2016/HĐ ngày 16.12.2016. Do đó, bà C khởi kiện, yêu cầu Công ty TNHH MTV T thanh toán một phần lương tháng 6.2018 và

lương tháng 7.2018 là có cơ sở. Tổng tiền lương tháng 6.2018 và tháng 7.2018 Công ty TNHH MTV T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà C là: 3.057.000 đồng + 4.279.570 đồng = 7.336.570 đồng.

[2.2] **Đối với tranh chấp đòi tiền bảo hiểm xã hội:** Trong thời gian từ tháng 11/2016 đến tháng 7/2018 Công ty TNHH MTV T không thực hiện đóng BHXH nên bà Trần Thị Thanh C yêu cầu Công ty đóng tiền BHXH còn nợ là 22.209.760 đồng (trong đó gốc là 20.168.442 đồng và lãi là 2.041.318 đồng) cho bà.

HĐXX xét thấy Hợp đồng lao động số 69/2016/HĐ ngày 16.12.2016 là hợp đồng không xác định thời hạn. Theo quy định khoản 1 Điều 186 Bộ luật Lao động, Điều 2 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội thì người sử dụng lao động, người lao động phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; hằng tháng người sử dụng lao động có trách nhiệm trích tiền lương của người lao động để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội. Việc Công ty TNHH MTV T không thực hiện đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11.2016 đến tháng 7.2018 cho bà C là trái quy định của pháp luật nên cần phải buộc Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội với số tiền gốc là 20.168.442 đồng. Do Công ty TNHH MTV T chậm đóng BHXH nên phải chịu lãi chậm đóng theo quy định của Bảo hiểm xã hội thành phố Đ, cụ thể: Năm 2017 thực hiện theo Thông báo số 259/TB-BHXH ngày 02.3.2017 Bảo hiểm xã hội thành phố Đ là 15,8%/năm (1,317%/tháng); năm 2018 thực hiện theo Thông báo số 195/TB-BHXH ngày 30.01.2018 của Bảo hiểm xã hội thành phố Đ là 14,5%/năm (1,2084%/tháng). Số lãi chậm đóng mà Công ty phải chịu là 2.041.318 đồng. Như vậy, Công ty TNHH MTV T phải thực hiện đóng tiền BHXH còn nợ cho bà C là: 20.168.442 đồng gốc + 2.041.318 đồng lãi = 22.209.760 đồng.

Do Công ty TNHH MTV T ngừng hoạt động, Bảo hiểm xã hội thành phố Đ không tiếp tục tính lãi chậm đóng BHXH phát sinh từ tháng 8.2018 nên HĐXX không xem xét.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[3] Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH MTV T phải chịu án phí lao động sơ thẩm là (7.336.570 đồng + 22.209.760 đồng) x 3% = 29.546.330 đồng x 3 % = 886.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 229, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 47, Điều 90, Điều 96, Điều 186, Điều 201 của Bộ luật Lao động;

- Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 21, Điều 85, Điều 86, khoản 2 Điều 89 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"*Tranh chấp đòi tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội" của bà Trần Thị Thanh C.

- Buộc Công ty TNHH MTV T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Thanh C lương tháng 6.2018 và tháng 7.2018 là 7.336.570 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc Công ty TNHH MTV T có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho bà Trần Thị Thanh C tại Bảo hiểm xã hội thành phố Đ trong thời gian từ tháng 11.2016 đến tháng 7.2018 với số tiền 22.209.760 đồng (trong đó gốc là 20.168.442 đồng và lãi là 2.041.318 đồng).

2. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH MTV T phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 886.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Thanh Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**